

KẾ HOẠCH

Tổng kết Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

Thực hiện Kế hoạch số 08-KH/BCĐ, ngày 07/5/2021 của Ban Chỉ đạo tổng kết Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn (*gọi tắt là Nghị quyết số 26-NQ/TW*); Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch tổng kết Nghị quyết số 26-NQ/TW như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Đánh giá toàn diện, tổng thể kết quả và tác động sau 13 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW; trong đó, tập trung đánh giá những kết quả đạt được, những hạn chế, yếu kém, xác định nguyên nhân; từ đó, rút ra bài học kinh nghiệm. Đề ra các mục tiêu, định hướng và giải pháp phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh và đề xuất, kiến nghị Trung ương.

2. Yêu cầu

Việc tổng kết cần đánh giá nghiêm túc, toàn diện, sâu sắc, phản ánh đúng thực tế những kết quả đạt được; nhìn nhận khách quan những hạn chế, yếu kém trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW. Đề xuất những quan điểm, chủ trương, cơ chế, chính sách, nhiệm vụ, giải pháp cho mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân đến năm 2030 và định hướng 2045 phù hợp với định hướng phát triển được thông qua tại Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; đồng thời, sát với tình thực tiễn địa phương. Đảm bảo việc tổng kết thiết thực, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế địa phương, đơn vị và an toàn phòng, chống dịch Covid-19 theo quy định

II. NỘI DUNG TỔNG KẾT

1. Đánh giá việc quán triệt Nghị quyết số 26-NQ/TW và các kết luận liên quan của Bộ Chính trị (*Kết luận số 97-KL/TW, ngày 15/5/2014 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Kết luận số 54-KL/TW, ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp nông dân, nông thôn*); việc chỉ đạo thể chế hóa, xây dựng các nghị quyết, chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*Chương trình hành động 68-CTr/TU, ngày 24/10/2008 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW; Kế hoạch số 106-KH/TU, ngày 09/7/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 97-KL/TW; Nghị quyết 05-NQ/TU, ngày 10/5/2011 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2011 - 2015; Nghị*

quyết số 05-NQ/TU ngày 11/11/2016 của Tỉnh ủy, về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến 2025).

2. Đánh giá kết quả triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương, các Kết luận của Bộ Chính trị liên quan và các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, kết luận của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết, Kết luận nêu trên. Tập trung những vấn đề trọng tâm sau:

- Thực hiện tái cơ cấu, phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại; phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ nông thôn.

- Kết quả thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới gắn với xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn và đô thị hoá.

- Công tác giảm nghèo, phát triển y tế, giáo dục, văn hoá, xã hội nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn.

- Đổi mới và xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ có hiệu quả ở nông thôn.

- Phát triển nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, tạo đột phá để hiện đại hoá nông nghiệp, công nghiệp hoá nông thôn.

- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế, chính sách để huy động cao các nguồn lực, phát triển nhanh kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý Nhà nước, phát huy sức mạnh của các tổ chức chính trị - xã hội ở nông thôn

3. Đánh giá những hạn chế, yếu kém, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm: Tập trung vào những hạn chế, yếu kém trong công tác tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, Chương trình hành động số 68-CTr/TU từ khi ban hành đến nay, các vấn đề còn tồn tại, khó khăn trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn.

4. Đề ra phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp: Trên cơ sở phân tích kết quả thực hiện, các hạn chế, tồn tại và nhận định xu hướng phát triển kinh tế - xã hội tại Lâm Đồng, trong nước và quốc tế để xác định các mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp phù hợp, sát với thực tiễn trong giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến 2045.

5. Đề xuất, kiến nghị: Phân tích bối cảnh, thuận lợi, khó khăn, thách thức và những vấn đề đặt ra đối với việc triển khai thực hiện Nghị quyết, đề xuất các nội dung với Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ, các Bộ ngành liên quan, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành liên quan.

(Các nội dung cụ thể tại Đề cương chi tiết đính kèm)

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ THỜI GIAN TỔNG KẾT

1. Cấp cơ sở: Đánh giá, xây dựng báo cáo tổng kết nghị quyết, thông qua cấp ủy để tiếp thu, hoàn chỉnh, gửi báo cáo lên cấp trên trực tiếp trước ngày **15/6/2021**. Không tổ chức hội nghị tổng kết.

2. Các huyện ủy, thành ủy:

- Chỉ đạo cấp ủy cơ sở trực thuộc tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, các Kết luận của Bộ Chính trị, Chương trình hành động số 68-CTr/TU, Kế hoạch số 106-KH/TU và chương trình, kế hoạch của cấp ủy cấp trên, cấp cơ sở thực hiện Nghị quyết, đảm bảo kịp thời, kiểm tra, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện.

- Chỉ đạo việc tổng hợp, xây dựng báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW của cấp mình, thông qua Hội nghị cấp ủy hoặc Ban Thường vụ cấp ủy để tiếp thu, hoàn chỉnh báo cáo, gửi về Ban cán sự đảng UBND tỉnh (***qua Sở Nông nghiệp - Phát triển nông thôn***) trước ngày 01/7/2021.

3. Các ban Tỉnh ủy, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn và các sở, ngành tỉnh (*Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo cụ thể các sở, ngành*) căn cứ chức năng, nhiệm vụ liên quan chủ động xây dựng Báo cáo tổng kết Nghị quyết 26-NQ/TW của cấp, ngành mình (*theo đề cương đính kèm*), gửi Ban cán sự đảng UBND tỉnh (***qua Sở Nông nghiệp - Phát triển nông thôn***) trước ngày 25/6/2021 để tổng hợp xây dựng báo cáo của tỉnh.

4. Giao Ban cán sự đảng UBND tỉnh chủ trì, chỉ đạo tổng hợp, xây dựng dự thảo Báo cáo tổng kết Nghị quyết số 26-NQ/TW của Tỉnh ủy và gửi Thường trực Tỉnh ủy (***qua Văn phòng Tỉnh ủy***) trước ngày 15/7/2021.

5. Thường trực Tỉnh ủy hoàn chỉnh báo cáo, trình Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến và tổ chức Hội nghị Tỉnh ủy để tổng kết Nghị quyết ***trong tháng 7/2021***, hoàn chỉnh báo cáo và gửi Ban Chỉ đạo Trung ương theo quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Ban cán sự đảng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, các ban Tỉnh ủy, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy và chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương trong tỉnh chỉ đạo, tổ chức, triển khai thực hiện Kế hoạch này đảm bảo theo yêu cầu nội dung nêu trên; tổng hợp, xây dựng báo cáo tổng kết Nghị quyết của tỉnh trình Thường trực Tỉnh ủy đúng thời gian quy định.

2. Giao Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp Ban cán sự đảng UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc tiến độ triển khai thực hiện Kế hoạch này; tham mưu Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức hội nghị tổng kết Nghị quyết số 26-NQ/TW, tiếp thu, hoàn thiện Báo cáo gửi Ban Chỉ đạo tổng kết Trung ương đúng thời gian quy định.

Nơi nhận:

- BCĐ Tổng kết Nghị quyết số 26-NQ/TW,
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Ban cán sự Đảng UBND tỉnh,
- Các ban của Tỉnh ủy,
- Đảng đoàn MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các sở ban ngành và các đoàn thể tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, KT2.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

Trần Đình Văn

ĐỀ CƯƠNG
BÁO CÁO TỔNG KẾT NGHỊ QUYẾT 26-NQ/TU CỦA BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ X

(kèm theo Kế hoạch số 12-KH/TU, ngày 07/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT SỐ 26-NQ/TW
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

I. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, HỌC TẬP, QUẢN TRIỆT, XÂY DỰNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA CẤP ỦY ĐỊA PHƯƠNG.

1. Quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, các kết luận 97-KL/TW và 54-KL/TW của Bộ chính trị của các cấp ủy, chính quyền và đoàn thể ở địa phương.

2. Việc xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch hành động của Cấp ủy để thực hiện Nghị quyết.

Các Nghị quyết, Đề án Kế hoạch chuyên đề thuộc từng lĩnh vực các ngành đã tham mưu Tỉnh ủy, UBND để thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW

II. CÔNG TÁC THỂ CHẾ HOÁ CÁC CHỦ TRƯỞNG CỦA NGHỊ QUYẾT

Thông kê đầy đủ danh mục các văn bản pháp lý, chương trình, đề án được xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện; đánh giá tổng quá mức độ đáp ứng yêu cầu để thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW trong giai đoạn 2008-2021.

Phần thứ hai
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU

Tổng hợp báo cáo so sánh kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển Nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2020 (so sánh kết quả thực hiện với năm 2008).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về thực hiện tái cơ cấu xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại; phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn.

Chú trọng làm rõ các vấn đề trọng tâm: Mức độ thực hiện chủ trương chuyển dịch cơ cấu ngành; chuyển dịch cơ cấu cây trồng và hiệu quả sử dụng đất canh tác; tính bền vững của ngành chăn nuôi và ngành nuôi trồng thủy sản, vai trò của các hộ nhỏ và chăn nuôi công nghiệp, nhất là của các doanh nghiệp FDI trong phát triển chăn nuôi; chất lượng các loại rừng và đóng góp kinh tế của ngành Lâm nghiệp; chất lượng nông sản thể hiện qua mức độ đảm bảo ATVSTP và giá trị hàng hoá; vai trò của các ngành dịch vụ, công nghiệp chế biến trong phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập người dân tại các vùng nông thôn nói riêng và phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn toàn tỉnh nói chung.

2. Kết quả thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới gắn với xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn và đô thị hoá.

- Về tổ chức bộ máy thực hiện ở các cấp.
- Kết quả thực hiện chương trình giai đoạn 2009 - 2020.
- Kết cấu hạ tầng nông thôn:
 - + Về hệ thống thủy lợi; nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn.
 - + Về hệ thống giao thông.
 - + Hệ thống lưới điện
 - + Cơ sở giáo dục, đào tạo, nhà ở giáo viên
 - + Về hạ tầng y tế
 - + Thông tin và bưu chính viễn thông
 - + Văn hóa

Chú trọng làm rõ tính bền vững trong xây dựng nông thôn mới; những khó khăn vướng mắc trong thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới ở cấp huyện và cấp tỉnh; Mức độ cải thiện kết cấu hạ tầng nông thôn và khả năng đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, đô thị hoá, ứng phó với biến đổi khí hậu phòng chống thiên tai.

3. Về xóa đói giảm nghèo, phát triển y tế, giáo dục, văn hoá xã hội nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn

- Kết quả nâng cao mức thu nhập của hộ cư dân nông thôn, giảm tỷ lệ hộ nghèo; nâng cao điều kiện sống, học tập, khám chữa bệnh; tỷ lệ lao động được đào tạo nghề, tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên.
- Giải pháp và chính sách giải quyết đời sống, việc làm cho người dân.
- Kết quả thực hiện các chương trình xóa đói giảm nghèo
- Kết quả nâng cao chất lượng cuộc vận động toàn dân xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư, phong trào xây dựng gia đình văn hóa.

4. Về đổi mới và xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ có hiệu quả ở nông thôn

- Kết quả thực hiện các chính sách phát triển kinh tế tập thể, kinh tế trang trại;
- Tình hình phát triển các liên kết trong sản xuất; Tình hình phát triển của các cơ sở sơ chế, chế biến nông sản
- Tình hình chế biến lâm sản
- Tình hình tiêu thụ nông sản, xuất khẩu
- Tình hình phát triển các nhãn hiệu, thương hiệu

5. Về phát triển nhanh nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, tạo đột phá để hiện đại hoá nông nghiệp, công nghiệp hoá nông thôn

6. Đổi mới mạnh mẽ cơ chế, chính sách để huy động cao các nguồn lực, phát triển nhanh kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của

nông dân.

Đánh giá tác động thực chất của các chính sách khuyến khích phát triển doanh nghiệp trong nông nghiệp, nông thôn ; chất lượng hiệu quả hoạt động của các HTX.

7. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của các đoàn thể chính trị - xã hội ở nông thôn.

III. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ, YẾU KÉM VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế, yếu kém

- Về phát triển nông nghiệp
- Về xây dựng nông thôn
- Về nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người dân nông thôn

2. Nguyên nhân của những tồn tại hạn chế

- Nguyên nhân khách quan :
- Nguyên nhân chủ quan :
- + Về nhận thức
- + Về cơ chế, chính sách
- + Về tổ chức thực hiện các chủ trương của Nghị quyết

IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

- Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị;
- Sự lãnh đạo của Đảng;
- Tổ chức thực hiện nhất là công tác thể chế.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Những thành tựu cơ bản (so với mục tiêu của Nghị quyết)

Phần thứ ba

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VỀ NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN TRONG GIAI ĐOẠN TỚI

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH TRONG NƯỚC VÀ KHU VỰC GIAI ĐOẠN TỚI

1. Bối cảnh trong nước và thế giới

(Triển vọng phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế, biến đổi khí hậu ảnh hưởng tới nông nghiệp, nông dân, nông thôn và các thách thức mới đặt ra).

2. Nông nghiệp, nông dân, nông thôn và những xu hướng phát triển

II. QUAN ĐIỂM

- Khẳng định vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn mới;
- Xác định các phương châm chính trong phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong giai đoạn mới;
- Cơ chế vận hành

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đề xuất mục tiêu tổng quát về phát triển nông nghiệp, nông thôn và đối với nông dân trong giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2045.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025 và 2030, tầm nhìn đến 2045

- Về nông nghiệp;
- Về nông dân;
- Về nông thôn.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu, phát triển nông nghiệp toàn diện, theo hướng hiện đại, bền vững

Nêu định hướng lớn tái cơ cấu nông nghiệp, chủ trương phát triển các lĩnh vực (trồng trọt; chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp); chuyển mạnh sang nâng cao chất lượng và hiệu quả, đảm bảo tính bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, tạo việc làm và thu nhập tại chỗ cho dân cư nông thôn

Nêu rõ chủ trương, định hướng lớn về phát triển công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản, công nghiệp thu hút nhiều lao động, các loại hình dịch vụ ở nông thôn nhằm tạo nhiều việc làm và thu nhập tại chỗ ổn định cho lao động nông thôn, góp phần hạn chế việc di dân quá mức tới các đô thị lớn.

3. Xây dựng nông thôn mới văn minh, hiện đại gắn với đô thị hóa; phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn; cải thiện nhanh điều kiện sinh sống ở các vùng nông thôn.

- Chủ trương và định hướng lớn về nội dung và phương thức tiếp tục thực hiện xây dựng nông thôn mới văn minh hiện đại theo hướng đô thị hóa; định hướng mô hình phát triển nông thôn các vùng. Chủ trương đối với nhóm các xã đã hoàn thành các tiêu chí cho giai đoạn tới năm 2030; chủ trương đối với nhóm các xã chưa đạt tiêu chí, nhất là ở miền núi và các vùng có nhiều khó khăn. Chủ trương về xây dựng nông thôn mới ở cấp huyện và cấp tỉnh. Chú trọng phát triển sản xuất kinh doanh, tạo việc làm và thu nhập bền vững, phát triển văn hóa xã hội, xây dựng cộng đồng, đảm bảo an ninh, bảo vệ môi trường nông thôn;

- Chủ trương và định hướng phát triển các loại hình cơ sở hạ tầng thiết yếu ở nông thôn. Tiếp tục phát triển hệ thống thủy lợi đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu nông nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai. Phát triển hệ thống giao thông và logistics, hệ thống hạ tầng viễn thông ở các vùng nông thôn và cơ sở vật chất kỹ thuật chuyên ngành nông nghiệp (hệ thống hạ tầng nghề cá, hạ tầng lâm nghiệp, thú y, bảo vệ và kiểm dịch thực vật...).

4. Nâng cao toàn diện thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần của dân cư, đảm bảo công bằng xã hội ở nông thôn

- Định hướng cơ cấu lao động nông thôn, chính sách nâng cao chất lượng lao động nông nghiệp, đào tạo nghề, hỗ trợ khởi nghiệp, phát triển kinh doanh, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập của dân cư nông thôn.

- Định hướng giải pháp lớn để thực hiện chủ trương của Đảng về giảm nghèo bền vững ở và đảm bảo an sinh xã hội ở nông thôn.

- Chủ trương và cơ chế, giải pháp đặc thù cho các vùng có nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao.

- Chủ trương, định hướng chính sách văn hóa, xã hội khác đối với khu vực nông thôn.

- Chủ trương, định hướng chính sách tăng cường đảm bảo an ninh, trật tự, an ninh, an toàn xã hội ở nông thôn.

- Hoàn thiện cơ chế phát huy dân chủ, thực thi vai trò chủ thể của nông dân trong phát triển nông nghiệp, nông thôn.

5. Nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn

- Định hướng và các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn vốn là khu vực dễ tổn thương nhất; định hướng giải pháp nâng cao năng lực phòng chống thiên tai.

- Định hướng và các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các tài nguyên thiên nhiên, nhất là đất đai, nguồn nước, rừng, nguồn lợi thủy, hải sản..., bảo tồn đa dạng sinh học.

- Định hướng và các giải pháp tăng cường bảo vệ môi trường ở nông thôn.

6. Đề xuất đổi mới cơ chế chính sách và tổ chức sản xuất gắn với xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nông thôn

6.1. Về đổi mới cơ chế chính sách

a) Chính sách đất đai:

Định hướng đổi mới cơ chế quản lý đất nông nghiệp, nhất là đất lúa, tạo điều kiện cho nông dân nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị trường; thúc đẩy tích tụ, tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, phát triển công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn.

b) Chính sách tài chính, tín dụng

- Định hướng điều chỉnh chính sách thuế theo hướng khuyến khích và hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nhất là các vùng có nhiều khó khăn.

- Cơ chế tăng đầu tư ngân sách cho thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ phát triển nông nghiệp nông thôn. Xây dựng cơ chế lồng ghép các nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn trên cùng một địa bàn.

- Đổi mới cơ chế, chính sách để tăng khả năng tiếp cận tín dụng cho nông dân và các đối tác kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Đẩy mạnh phát triển quỹ tín dụng nhân dân, ngân hàng HTX ở khu vực nông thôn. Phát triển đối tác công tư.

c) Chính sách thương mại

- Chủ trương và định hướng nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển thị trường trong và ngoài nước cho nông sản Việt Nam; quản lý chặt chẽ thị trường nông sản làm thực phẩm trong nước.

6.2. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất

- Định hướng đổi mới chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; đổi mới và phát triển kinh tế hợp tác, trọng tâm là hợp tác xã trong nông nghiệp, nông thôn; phát triển các hình thức liên kết; phát triển kinh tế trang trại; phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế cá thể sản xuất hàng hóa.

- Chủ trương đổi mới quản lý các doanh nghiệp nhà nước, nhất là các công ty nông lâm nghiệp vốn là các nông lâm trường quốc doanh, các ban quản lý rừng.

- Chủ trương đổi mới việc khuyến khích FDI đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

7. Thúc đẩy tham gia cách mạng công nghiệp 4.0, nâng cao nhanh trình độ khoa học công nghệ trong nông nghiệp, nông thôn

- Chủ trương, định hướng thúc đẩy ứng dụng cách mạng công nghiệp 4.0 trong nông nghiệp, nông thôn.

- Định hướng phát triển nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp, nông thôn; phát triển hệ thống nghiên cứu và khuyến nông ở địa phương.

- Chủ trương và định hướng phát triển ứng dụng công nghệ cao, bao gồm cả công nghệ số trong nông nghiệp, nông thôn.

8. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước; đổi mới phương thức quản lý, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn; phát huy vai trò của MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp; phát huy dân chủ và vai trò chủ thể của nông dân trong quá trình phát triển:

a) Xác định vai trò và trách nhiệm của các tổ chức Đảng và đảng viên trong thực hiện chủ trương của Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Tăng cường hoạt động của các tổ chức đảng ở nông thôn.

Tổ chức tuyên truyền, vận động sâu rộng nhận thức mới về vai trò, nhiệm vụ của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong giai đoạn phát triển mới.

Đổi mới, đa dạng hình thức, phương pháp tuyên truyền, coi trọng việc phổ biến những cách làm hay, mô hình tốt trong phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

b) Kiện toàn và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông thôn.

- Rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống quản lý nông nghiệp từ Trung ương đến địa phương, làm rõ và tách bạch chức năng hành chính công và dịch vụ công, xóa bỏ sự chồng chéo; tăng cường hệ thống quản lý nhà nước về nông nghiệp cho cấp huyện, xã. Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước và dịch vụ công.

Đổi mới và nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các hệ thống dịch vụ công về giống, bảo vệ thực vật, thú y, khuyến nông, quản lý chất lượng nông sản và vật tư nông nghiệp, đào tạo nghề... trên cơ sở tăng cường xã hội hóa. Định hướng đổi mới và tăng cường năng lực cho hệ thống quản lý chất lượng và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo quyền lợi cho người tiêu dùng trong nước và nâng cao hiệu quả xuất khẩu.

c) Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, xã

hội nghề nghiệp và sự tham gia của nhân dân.

Củng cố, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của Hội nông dân Việt Nam.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Phương hướng, phân công thực hiện chủ trương của Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở địa phương.

VI. KIẾN NGHỊ